

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 02 năm 2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Thanh Sơn,

+ Bà Tạ Thị Thế;

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ A, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1975; Nơi cư trú cuối cùng: tổ A, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trường S được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, thị xã (nay là thành phố) TĐ, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau, do không tự giải quyết được mâu thuẫn nên đến năm 2013 chị H dọn ra ngoài ở riêng. Đến tháng 4 năm 2016 anh S bỏ nhà đi từ đó đến nay không rõ tin tức anh S ở đâu, chị H đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Theo yêu cầu

của chị H, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp đã ra quyết định tuyên bố anh Nguyễn Trường S mất tích, theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 02/2020/QĐST-DS ngày 11/5/2020. Đến nay, do vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Bùi Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường S.

Về con chung: vợ chồng chị không có con chung.

Về con riêng: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng; nợ chung, nợ riêng: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại chị H không quản lý tài sản nào của anh S.

Bị đơn là anh Nguyễn Trường S đã bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp tuyên bố mất tích, theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 02/2020/QĐST-DS ngày 11/5/2020. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Trường S nhưng anh S không có mặt để tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Trường S. Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Trường S không có con chung, về chia tài sản: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/11/2020 Công an phường Trung Sơn cung cấp như sau: anh S có hộ khẩu tại tổ A, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình nhưng từ năm 2016 cho đến nay anh Nguyễn Trường S bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo tạm vắng với cơ quan Công an phường. Hiện nay Công an phường Trung Sơn không xác định được anh Nguyễn Trường S đang ở đâu, làm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Nguyễn

Trường S có nơi cư trú cuối cùng tại tổ A, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị H. Anh Nguyễn Trường S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường S. Tại phiên tòa vắng mặt tất cả các đương sự, căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Trường S có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 03/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, thị xã (nay là thành phố) TĐ, tỉnh Ninh Bình nên hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Trường S là hợp pháp.

Bị đơn là anh Nguyễn Trường S đã bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 02/2020/QĐST-DS ngày 11/5/2020.

Về căn cứ cho ly hôn, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.”

Do đó, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trường S của chị Bùi Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Trường S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: các đương sự không có yêu cầu giải quyết việc chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Bùi Thị H có yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51;

khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Trường S. Xử chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trường S.

2. Về án phí:

Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001651 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP.Tam Điệp;
- Dương sự;
- UBND phường TS, TP. Tam Điệp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bích Hồng

